

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Cao Văn Vạn.

2/ Ông Phạm Văn Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Minh T do quen biết nhau, tìm hiểu khoảng 04 năm, được gia đình hai bên đồng ý nên kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số I ngày 08/8/2001. Sau khi kết hôn thời gian đầu chúng tôi sống ổn định nhưng đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên nhậu, nhậu say về chửi bới, đe dọa vợ con nhiều năm nay. Ngoài ra anh T còn đập phá đồ đạc trong gia

đình. Gia đình hai bên có hòa giải để vợ chồng tiếp tục sống chung nhưng anh T không thay đổi. Hiện nay mặc dù còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống. Nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 23/10/2003 và Nguyễn Lê Minh T2, sinh ngày 15/03/2013.

Cháu Minh T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh T2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Về thời gian kết hôn, con chung tôi thống nhất với lời trình bày của chị H.

Nay chị H yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý ly hôn vì tôi còn thương vợ, con. Tôi cũng thường hay đi nhậu, có lần về cự cãi với vợ về những vấn đề trong sinh hoạt gia đình. Nội dung cãi nhau thường liên quan đến những vấn đề sinh hoạt trong gia đình chứ không có vấn đề gì nghiêm trọng. Do tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 23/10/2003 và Nguyễn Lê Minh T2, sinh ngày 15/03/2013.

Cháu Minh T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, tôi đồng ý giao cháu T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H giữ nguyên nội dung đơn ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số I ngày 08/8/2001 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H trình bày từ đầu năm 2020 giữa chị và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu say, chửi bới, đe dọa vợ con nhiều năm nay. Ngoài ra anh T còn đập phá đồ đạc trong gia đình. Gia đình hai bên có hòa giải để vợ chồng tiếp tục sống chung nhưng anh T không thay đổi. Hiện nay mặc dù còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống.

Anh T cũng thừa nhận anh cũng thường hay nhậu, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn liên quan đến vấn đề sinh hoạt trong gia đình nhưng mâu thuẫn giữa anh và chị H có thể hòa giải nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T, không đồng ý đoàn tụ. Mâu thuẫn gia đình giữa chị H và anh T đã diễn ra trong thời gian dài. Mặc dù anh chị còn sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên hòa giải lần thứ nhất anh T đề nghị cho anh thêm thời gian về nhà để anh sửa đổi bản thân, tự hòa giải với vợ nhưng vợ chồng anh vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hòa giải được với nhau. Tại phiên tòa anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được giải pháp nào mang tính khả thi, có hiệu quả nhằm hàn gắn tình cảm gia đình. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 23/10/2003 và cháu Nguyễn Lê Minh T2, sinh ngày 15/03/2013. Minh T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh T2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm anh T đồng ý giao cháu Minh T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn. Tại bản tự khai ngày 07/3/2025 cháu Minh T2 cũng có nguyện vọng được sống chung với chị H. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định của cháu Minh T2 cần tiếp tục giao cháu Minh T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Minh T2, sinh ngày 15/03/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H chưa yêu cầu.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0002931 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị H đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;

- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang